



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2015

Ngành: **Quản trị kinh doanh**
Chuyên ngành: **Kinh doanh quốc tế**
Mã số ngành: **52340101**
Khoa: **Kinh tế**

126 tín chỉ tích lũy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ				Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/TT	ĐA/MH	ĐA/KLTN		
Học kỳ 1										
1	MCA064	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	BB	2	2				Khoa GDĐC	
2	MCA019	Pháp luật đại cương	BB	3	3				Khoa GDĐC	
3	MCA011	Kinh tế vi mô	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
4	MCA052	Quản trị học	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
5	MCA048	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 1		14	14	0	0	0		
Học kỳ 2										
1	MCA065	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	BB	3	3				Khoa GDĐC	
2	MCA022	Tiếng Anh 1	BB	3	3				K.NN&VHNN	
3	MCA012	Kinh tế vĩ mô	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
4	MCA049	Marketing căn bản	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
5	MCA051	Nguyên lý kế toán	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
6	MCA015	Lý thuyết xác suất thống kê	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 2		18	18	0	0	0		
Học kỳ 3										
1	MCA028	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2				Khoa GDĐC	
2	MCA023	Tiếng Anh 2	BB	3	3				K.NN&VHNN	
3	1A05008	Kinh tế lượng	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
4	1A03002	Hành vi tổ chức	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)		3	3					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ				Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TT	ĐA MH	ĐA/ KL TN		
5	MCA001	Văn hóa các nước ASEAN	TC	3	3				Khoa Kinh tế	
	MCA016	Môi trường và con người	TC						Khoa Kinh tế	
	1A03016	Quản trị hành chính văn phòng	TC						Khoa Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 3		17	17	0	0	0		
Học kỳ 4										
1	MCA002	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	BB	3	3				Khoa GDĐC	
2	MCA024	Tiếng Anh 3	BB	3	3				K.NN&VHNN	
3	1A03011	Nghiệp vụ ngoại thương	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
4	1A03018	Quản trị chiến lược	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
5	1A03022	Quản trị marketing	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
6	1A03093	Hành vi khách hàng	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 4		18	18	0	0	0		
Học kỳ 5										
1	1A10052	Tiếng Anh 4	BB	3	3				K.NN&VHNN	
2	1A03131	Kế toán Mỹ	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
3	1A06005	Luật thương mại quốc tế	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
4	1A04049	Quản trị tài chính	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
5	1A03134	Tiếng Anh chuyên ngành KDQT	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
6	1A03133	Chính sách ngoại thương	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
7	1A03001	Quan hệ kinh tế quốc tế	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 5		21	21	0	0	0		
Học kỳ 6										
1	1A06003	Kinh doanh quốc tế	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
2	1A03128	Kinh tế ASEAN	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
3	1A03129	Chuỗi cung ứng trong kinh doanh quốc tế	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
4	1A03149	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	BB	2	2				Khoa Kinh tế	
5	1A03132	Bảo hiểm trong kinh doanh	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 6		14	14	0	0	0		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ				Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/TT	ĐA/MH	ĐA/KLTN		
Học kỳ 7										
1	MCA067	Ứng dụng phần mềm SPSS trong xử lý dữ liệu định lượng	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
2	1A03138	Thực tập tốt nghiệp đại học KDQT	BB	3		3			Khoa Kinh tế	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)								
3	1A05001	Đạo đức trong kinh doanh	TC	3	3				Khoa Kinh tế	
	1A06022	Quản trị kênh phân phối	TC						Khoa Kinh tế	
	1A03037	Truyền thông trong kinh doanh	TC						Khoa Kinh tế	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)								
4	1A03023	Quản trị nhân sự	TC	3	3				Khoa Kinh tế	
	1A03135	Quản trị bán hàng	TC						Khoa Kinh tế	
	1A06025	Quản trị sản phẩm	TC						Khoa Kinh tế	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)								
5	1A03038	Văn hóa doanh nghiệp	TC	3	3				Khoa Kinh tế	
	1A03136	Nghiep vụ hải quan	TC						Khoa Kinh tế	
	1A03137	Kinh doanh nông sản xuất khẩu	TC						Khoa Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 7		15	12	3	0	0		
Học kỳ 8										
1	1A03139	Khóa luận tốt nghiệp đại học KDQT	BB	9				9	Khoa Kinh tế	
		(Các học phần thay thế KL tốt nghiệp)								
2	1A03047	Khởi nghiệp kinh doanh	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
3	1A03024	Quản trị quan hệ khách hàng	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
4	1A06009	Marketing quốc tế	BB	3	3				Khoa Kinh tế	
		Tổng Học kỳ 8		9	6	0	0	9		

Ghi chú:

Tổng số tín chỉ tích lũy toàn khóa là 126 (không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng)

Môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN